TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 260/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2017.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp.
2. Ông Đặng Tấn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2017 về: *"Tranh chấp Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2017/QĐXX- HNGD ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị L, sinh năm: 1988.

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Đức N, sinh năm: 1986.

Cùng cư trú: tổ 1A, ấp TP, xã KA, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt; ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/3/2017 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Trương Thị L trình bày:

Hôn nhân giữa bà và ông N là do thông qua mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2005, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã KA vào ngày 05/7/2012, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà ông N cùng làm thuê, thu nhập tương đối ổn định, tuy có đôi lúc xảy ra gây cải nhưng được hàn gắn. Đến năm 2016 khi bà cùng ông N lên Bình Dương làm thuê thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng. Nguyên nhân do ông N tụ tập ăn nhậu với bạn bè, bỏ bê công việc, lại còn ghen tuông vô cớ, bà khuyên ngăn và giải bày nhưng ông N không nghe lại còn đánh đập bà, vì quá sợ ông N nên bà phải bỏ việc về quê báo lại cha mẹ nhờ giải quyết,

nhưng cha mẹ hai bên lại gây cải nhau và bà với ông N ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Bà với ông N có 02 con chung: 1/ Huỳnh Tàu K, sinh ngày: 09/7/2007; 2/ Huỳnh Phú T, sinh ngày: 05/6/2012, hiện do bà nuôi. Nếu Tòa án chấp nhận cho ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông N không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà và ông N không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng bà.

Ông Huỳnh Đức N được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến. Riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để nghe xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn vợ chồng bà L – ông N đã thật sự trầm trọng, việc bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về quan hệ con chung, xét hai cháu Huỳnh Tàu K, Huỳnh Phú T từ khi ly thân đến nay do bà L nuôi, tình cảm giữa bà L với hai cháu thật sự gắn bó, cháu K có ý nguyện được sống chung với mẹ, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L. Về tài sản chung, nợ chung do chưa ghi nhận ý kiến của ông N, nên không đề cặp giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà L khởi kiện tranh chấp về : *"Xin ly hôn, nuôi con*" với ông N, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông N có địa chỉ cư trú tại tổ 1A, ấp TP, xã KA, huyện A, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với ông Huỳnh Đức N, mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông N kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 05/7/2012 tại UBND xã KA, huyện A, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01 là đúng theo quy

định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình. Thể hiện, do ông N tụ tập ăn nhậu, bỏ bê công việc, ghen tuông vô cớ… đánh đập bà.. bà với ông N ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, tình cảm giữa bà với ông N là không còn.

Đối với ông N, tuy ông vắng mặt. Nhưng qua các biên bản xác minh vào các ngày 07/6/2017; 17/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, thể hiện: Vợ chồng L – N có mâu thuẫn từ trước nhưng được hàn gắn rồi bỏ qua, đến khi hai người làm thuê trên Bình Dương thì trở nên trầm trọng, bởi ông N ăn nhậu, ghen tuông đánh đập bà L…cha mẹ hai bên đứng ra hàn gắn thì xảy ra gây cãi và bỏ mặt nhau, thái độ kiên quyết của bà L thì khã năng hàn gắn giữa hai người là không thể…

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, đối chiếu với trình bày của bà L. Xét mâu thuẫn giữa bà L – ông N không còn trong phạm vi vợ chồng mà ảnh hưởng lớn đến cha mẹ hai bên, nên đã thật sự trầm trọng; đời sống chung là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy hai cháu Huỳnh Tàu K, Huỳnh Phú T, từ khi bà L – ông N ly thân đến nay, hai cháu do bà L nuôi, tình cảm giữa bà với hai cháu thật sự khắng khích, hiện bà L chăm sóc và cho hai cháu đi học chu đáo, ý nguyện của cháu K là khi cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục chung sống với mẹ, nên tại phiên tòa bà L yêu cầu tiếp tục nuôi hai cháu là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà L không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà L biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con, bà L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Bà L khai không có tài sản chung và không có nợ chung, tuy nhiên do ông N vắng mặt, nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này ông N có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung và có nợ chung và ông N có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Đức N.

Về quan hệ con chung: Bà L được tiếp tục nuôi hai con chung: 1/ Huỳnh Tàu K, sinh ngày: 09/7/2007; 2/ Huỳnh Phú T, sinh ngày: 05/6/2012.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Trong thời gian nuôi con, bà L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010949 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (*Bà L nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THA để thi hành.
- UBND nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hs;
- Lưu VP.

Lê Văn Huệ